ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi **Học kỳ** 2 **Năm học** 13-14

MÔN HỌC Bộ chấp hành điện 2 — Mã MH 207705
Số tín chỉ 1 — Nhóm - tổ P01 -
Ngày thi 01/06/14 Phòng thi 202B10 — Tiết thi 10-11
CBGD chính Nguyễn Đàm Tấn — Mã số CB 000916

Tỉ lệ đánh giá: 100%

Ngày nộp điểm:

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	41000134	Dương Hoài	Ân			9	Chín	
2	41000195	Trương Quang	Bảo			6	Sáu	
3	21000521	Huỳnh Xuân Quang	Dũng			8	tám	
4	21000540	Nguyễn Trí	Dũng		Dung	8	tám	
5	40800400	Lê Văn	Đạt			3	ba	
6	41000627	Ngô Hữu	Đạt			9	chín	
7	21000629	Ngô Tiến	Đạt			6,5	sáu rưỡi	
8	21000833	Hà Tiến	Hải			8,5	tám rưỡi	
9	41001269	Phùng Thanh	Huy			8,5	tám rưỡi	
10	21001290	Vũ Quang	Huy			8,5	tám rưỡi	
11	21001604	Nguyễn Lê Duy	Khương			8	tám	
12	21001750	Đàm Thành	Long			9	Chín	
13	41001924	Đoàn Vũ Hoàng	Minh			5,5	Năm rưỡi	
14	21002985	Lê Đại	Thành			6	Sáu	
15	41003220	Phan Hồng	Thịnh			8,5	tám rưỡi	
16	21003606	Vũ Nguyễn Đức	Trí			5,5	năm rưỡi	
17	21003609	Lê Khắc	Trình			2	hai	
18	41003686	Trần Vũ Quang	Trung			6,5	sáu rưỡi	

Danh sách này có 18 sv. Ngày in 21/03/14

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 15/06/14

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 11 *tháng* 06 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....
Lê Ngọc Bảo
(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm .....
Nguyễn Đàm Tấn
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TP.HCM
KHOA CƠ KHÍ - BỘ MÔN CƠ ĐIỆN TỬ

BẢNG ĐIỂM THÀNH PHẦN

Học kỳ: 2 Năm học: 2013-2014

MÔN HỌC : BỘ CHẤP HÀNH ĐIỆN 2 Mã MH : 207705 Nhóm - tổ : P01

CBGD : Nguyễn Đàm Tấn SHCC : 000917

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Bài tập (0%)	Thí nghiệm (0%)	Kiểm tra (0%)	BTL/TL (30%)	Thi (70%)	TỔNG KẾT (100%)		GHI CHÚ
									Điểm số	Điểm chữ	
1	41000134	Dương Hoài	Ân				8.5	9.0	9	Chín	
2	41000195	Trương Quang	Bảo				0.0	8.5	6	Sáu	
3	21000521	Huỳnh Xuân Quang	Dũng				7.5	8.0	8	Tám	
4	21000540	Nguyễn Trí	Dũng				8.5	8.0	8	Tám	
5	40800400	Lê Văn	Đạt				0.0	4.0	3	Ba	
6	41000627	Ngô Hữu	Đạt				7.5	9.5	9	Chín	
7	21000629	Ngô Tiến	Đạt				7.5	6.0	6,5	Sáu rưỡi	
8	21000833	Hà Tiến	Hải				8.0	8.5	8,5	Tám rưỡi	
9	41001269	Phùng Thanh	Huy				9.0	8.5	8,5	Tám rưỡi	
10	21001290	Vũ Quang	Huy				8.5	8.5	8,5	Tám rưỡi	

11	21001604	Nguyễn Lê Duy	Khương				8.5	8.0	8	Tám	
12	21001750	Đàm Thành	Long				8.5	9.0	9	Chín	
13	41001924	Đoàn Vũ Hoàng	Minh				7.0	5.0	5,5	Năm rưỡi	
14	21002985	Lê Đại	Thành				9.0	5.0	6	Sáu	
15	41003220	Phan Hồng	Thịnh				8.5	8.5	8,5	Tám rưỡi	
16	21003606	Vũ Nguyễn Đức	Trí				7.0	5.0	5,5	Năm rưỡi	
17	21003609	Lê Khắc	Trình				0.0	3.0	2	Hai	
18	41003686	Trần Vũ Quang	Trung				7.0	6.0	6,5	Sáu rưỡi	